

Số: /BC-SYT

Hoà Bình, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình phòng, chống dịch bệnh COVID-19

(từ ngày 22/9/2022 đến ngày 28/9/2022)

I. Tình hình dịch bệnh tại Hòa Bình

1. Tình hình mắc COVID- 19: Tổng số 215 ca

1.1. Ca mắc mới trong tuần: Ghi nhận **197** ca. Trong đó:

Bệnh viện đa khoa tỉnh 15 ca, huyện Lương Sơn 16 ca, thành phố Hòa Bình 79 ca, huyện Đà Bắc 06 ca, huyện Cao Phong 13 ca, huyện Tân Lạc 04 ca, huyện Mai Châu 0 ca, huyện Lạc Sơn 02 ca, huyện Yên Thủy 03 ca, huyện Kim Bôi 25 ca, huyện Lạc Thủy 16 ca.

1.2. Ca tái nhiễm trong tuần: Ghi nhận **36** ca.

Huyện Lương Sơn 03 ca, thành phố Hòa Bình 07 ca, huyện Đà Bắc 01 ca, huyện Cao Phong 06 ca, huyện Kim Bôi 05 ca, huyện Lạc Thủy 06 ca.

Lũy kế đến hết ngày 29/9/2022 tổng số ca mắc trên địa bàn tỉnh: 207.589 (trong đó 207.361 ca mắc mới, 228 ca tái nhiễm).

(Chi tiết tại phụ lục 1.1 và 1.3 đính kèm).

1.2. Ca tử vong trong tuần: 0 trường hợp.

Lũy kế đến ngày 28/9/2022 tổng số ca tử vong do COVID-19 trên địa bàn tỉnh là: **106 ca**

(Chi tiết tại phụ lục 1.4 đính kèm)

II. Công tác điều trị bệnh nhân COVID-19

1. Tại các cơ sở điều trị và cơ sở thu dung

- Số bệnh nhân đang điều trị: 17 trường hợp, trong đó:
- + Số bệnh nhân không triệu chứng: 0 trường hợp;
- + Số bệnh nhân nhẹ: 04 trường hợp tại TTYT huyện Kim Bôi, 01 trường hợp tại TTYT huyện Lạc Thủy.
- + Số bệnh nhân trung bình: 10 trường hợp tại bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- + Số bệnh nhân nặng(thở oxy gọng kính): 02 trường tại bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- + Số bệnh nhân khỏi bệnh được xuất viện: 36 trường hợp

2. Tình hình quản lý F0 tại nhà

Số bệnh nhân đang được quản lý tại nhà: 173 trường hợp. Trong đó:

- + Số không có triệu chứng: 138 trường hợp
- + Mức độ nhẹ: 35 trường hợp
- + Khỏi bệnh trong ngày: 236 trường hợp

III. Kết quả thực hiện xét nghiệm

** Xét nghiệm sàng lọc cho các đối tượng có nguy cơ cao:*

- Số mẫu mới nhận: 0 mẫu/0 người được xét nghiệm
- Số mẫu đã làm xét nghiệm trong tuần: 0 mẫu
- + Số mẫu có kết quả dương tính: 0 mẫu
- + Số mẫu có kết quả âm tính: 06 mẫu
- Số mẫu nghi ngờ: 0 mẫu
- Số mẫu chưa có kết quả: 0 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 2.1 đính kèm).

** Xét nghiệm dịch vụ:*

- Số mẫu mới nhận: 05 mẫu/05 người được xét nghiệm
- Số mẫu đã làm xét nghiệm trong tuần: 05 mẫu
- + Số mẫu có kết quả dương tính: 0 mẫu
- + Số mẫu có kết quả âm tính: 05 mẫu
- Số mẫu nghi ngờ: 0 mẫu
- Số mẫu chưa có kết quả: 0 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 2.2 đính kèm).

2. Kết quả xét nghiệm bằng test nhanh kháng nguyên:

** Xét nghiệm sàng lọc cho các đối tượng có nguy cơ cao:*

- Số mẫu thực hiện trong tuần: 1.127 mẫu/1.127 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả dương tính: 238 mẫu
- Số mẫu có kết quả âm tính: 889 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 3.1 đính kèm).

** Xét nghiệm dịch vụ:*

- Số mẫu thực hiện trong tuần: 08 mẫu/08 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả dương tính: 03 mẫu
- Số mẫu có kết quả âm tính: 05 mẫu

(Chi tiết tại phụ lục 3.2 đính kèm).

III. Kết quả tiêm Vắc xin phòng COVID-19

1. Kết quả cộng dồn các đợt theo số vắc xin được phân bổ cho tỉnh:

- Tổng số liều vắc xin đã được phân bổ: 2.178.946 liều
- Tổng số mũi vắc xin đã tiêm: 2.218.472 mũi
- Tổng số người trên 18 tuổi đã được tiêm vắc xin: 550.051 người, trong đó:

- + Số người đã được tiêm 1 mũi vắc xin cần tiêm mũi 2 là: 7.752 người
- + Số người đã tiêm đủ 2 mũi vắc xin cần tiêm mũi 3 là: 127.303 người
- + Số người đã tiêm mũi 3 (nhắc lại lần 1): 415.105 người
- + Số người tiêm mũi bổ sung: 219.654 người
- + Số người tiêm mũi 4 (nhắc lại lần 2): 119.297 người
- Tổng số trẻ em từ 12 đến 17 tuổi được tiêm: 77.927 người
- + Số trẻ 12 đến 17 tuổi được tiêm 1 mũi cần tiêm mũi 2: 1.771 người
- + Số trẻ 12 đến 17 tuổi đã tiêm mũi 2: 77.298 người
- + Số trẻ 12 đến 17 tuổi đã tiêm mũi 3: 41.558 người
- Tổng số trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi đã tiêm: 109.852 người
- + Số trẻ 5 đến dưới 12 tuổi đã tiêm 1 mũi cần tiêm mũi 2: 21.286 người
- + Số trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đã tiêm mũi 2 : 88.566 người

2. Kết quả thực tế số người từ 12 tuổi trở lên đã được tiêm trên địa bàn toàn tỉnh:

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19
NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

| TT | Huyện/TP | Tổng số đối tượng > 18 tuổi (Số thường trú có mặt trên địa bàn) | Tổng cộng số người đã được tiêm 2 mũi | | | Tổng cộng số người đã được tiêm 1 mũi | | | Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%) |
|-------------|--------------|---|---------------------------------------|----------------|-------------|---------------------------------------|---------------|-------------|---------------------------------|
| | | | Tro ng ngày y | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ (%) | Tro ng ngày y | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Đà Bắc | 35.028 | 0 | 34.396 | 98,2 | 0 | 241 | 0,69 | 98,9 |
| 2 | Cao Phong | 28.150 | 0 | 28.080 | 99,8 | 0 | 80 | 0,28 | 100,0 |
| 3 | Kim Bôi | 69.385 | 0 | 67.406 | 97,1 | 0 | 1.498 | 2,16 | 99,3 |
| 4 | Lạc Sơn | 83.110 | 0 | 80.685 | 97,1 | 0 | 1.576 | 1,90 | 99,0 |
| 5 | Lạc Thủy | 38.851 | 0 | 38.437 | 98,9 | 0 | 53 | 0,14 | 99,1 |
| 6 | Lương Sơn | 73.328 | 0 | 71.152 | 97,0 | 0 | 2.156 | 2,94 | 100,0 |
| 7 | Mai Châu | 36.416 | 0 | 35.437 | 97,3 | 0 | 816 | 2,24 | 99,6 |
| 8 | Tân Lạc | 54.899 | 0 | 54.511 | 99,3 | 0 | 12 | 0,02 | 99,3 |
| 9 | Yên Thủy | 37.702 | 0 | 37.621 | 99,8 | 0 | 56 | 0,15 | 99,9 |
| 10 | Thành phố HB | 96.555 | 0 | 94.683 | 98,1 | 0 | 1.264 | 1,31 | 99,4 |
| Cộng | | 553.424 | 0 | 542.408 | 98,0 | 0 | 7.752 | 1,40 | 99,4 |

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19
NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

(Mũi thứ 3 bao gồm mũi nhắc lại và mũi bổ sung)

| T T | Huyện/TP | Tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên | Đối tượng tiêm mũi 4 | Tổng cộng số người đã được tiêm mũi 3 (nhắc lại) | | | Số tiêm mũi 4 (nhắc lần 2) | | |
|-------------|--------------|--------------------------------------|----------------------|---|----------------|-------------|-----------------------------|----------------|-------------|
| | | | | Trong tuần | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ (%) | Trong tuần | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Đà Bắc | 35.028 | 10.750 | 0 | 27.853 | 79,5 | 0 | 6.848 | 63,7 |
| 2 | Cao Phong | 28.150 | 15.000 | 0 | 22.844 | 81,2 | 0 | 8.634 | 57,6 |
| 3 | Kim Bôi | 69.385 | 11.000 | 0 | 53.124 | 76,6 | 0 | 10.949 | 99,5 |
| 4 | Lạc Sơn | 83.110 | 13.000 | 0 | 53.033 | 63,8 | 0 | 12.295 | 94,6 |
| 5 | Lạc Thủy | 38.851 | 9.500 | 0 | 31.064 | 80,0 | 0 | 7.984 | 84,0 |
| 6 | Lương Sơn | 73.328 | 30.150 | 0 | 64.131 | 87,5 | 0 | 13.704 | 45,5 |
| 7 | Mai Châu | 36.416 | 15.400 | 0 | 32.004 | 87,9 | 0 | 15.309 | 99,4 |
| 8 | Tân Lạc | 54.899 | 11.500 | 0 | 36.566 | 66,6 | 0 | 9.923 | 86,3 |
| 9 | Yên Thủy | 37.702 | 5.500 | 0 | 26.689 | 70,8 | 0 | 5.454 | 99,2 |
| 10 | Thành phố HB | 96.555 | 33.000 | 0 | 67.797 | 70,2 | 0 | 28.197 | 85,4 |
| Cộng | | 553.424 | 154.800 | 0 | 415.105 | 75,0 | 0 | 119.297 | 77,1 |

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO
NGƯỜI TỪ 12 ĐẾN 17 TUỔI**

| T T | Đơn vị | Tổng số đối tượng cần tiêm | Đối tượng đã tiêm | | | | | | Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%) | Số trẻ được tiêm mũi 3 | | |
|------------------|-----------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|------------------------|---------------|-------------|---------------------------------|------------------------|---------------|-------------|
| | | | Số trẻ được tiêm 1 mũi | | | Số trẻ được tiêm 2 mũi | | | | Trong tuần | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ |
| | | | Trong tuần | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ | Trong tuần | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ | | | | |
| 1 | Đà Bắc | 5.140 | 0 | 6 | 0,1 | 0 | 5.131 | 99,8 | 99,9 | 0 | 2.152 | 41,9 |
| 2 | Cao Phong | 3.547 | 0 | 5 | 0,4 | 0 | 3.527 | 99,4 | 99,8 | 0 | 2.073 | 58,4 |
| 3 | Kim Bôi | 10.167 | 0 | 297 | 2,9 | 0 | 9.998 | 98,3 | 100,0 | 0 | 4.637 | 45,6 |
| 4 | Lạc Sơn | 12.517 | 0 | 488 | 3,9 | 0 | 12.435 | 99,3 | 100,0 | 0 | 6.759 | 54,0 |
| 5 | Lạc Thủy | 6.761 | 0 | 264 | 3,9 | 0 | 6.558 | 97,0 | 100,0 | 0 | 4.034 | 59,7 |
| 6 | Lương Sơn | 8.765 | 0 | 324 | 3,7 | 0 | 8.447 | 96,4 | 100,1 | 0 | 5.309 | 60,6 |
| 7 | Mai Châu | 4.328 | 0 | 80 | 0,1 | 0 | 4.426 | 100,0 | 100,0 | 0 | 2.753 | 63,6 |
| 8 | Tân Lạc | 7.230 | 0 | 36 | 0,5 | 0 | 7.395 | 100,0 | 100,0 | 0 | 4.059 | 56,1 |
| 9 | Yên Thủy | 5.736 | 0 | 211 | 3,7 | 0 | 5.634 | 98,2 | 100,0 | 0 | 3.420 | 59,6 |
| 10 | TPHB | 13.761 | 0 | 230 | 1,7 | 0 | 13.747 | 99,9 | 100,0 | 0 | 6.362 | 46,2 |
| Tổng cộng | | 77.952 | 0 | 1.771 | 2,3 | 0 | 77.298 | 99,0 | 99,9 | 0 | 41.558 | 53,3 |

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN DƯỚI 12 TUỔI

| TT | Đơn vị | Số đối tượng trẻ 5 đến dưới 12 tuổi | Đối tượng đã tiêm | | | | | | Tổng cộng số đã tiêm ít nhất 1 mũi | Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%) |
|------------------|-----------|-------------------------------------|------------------------|---------------|-------------|------------------------|---------------|-------------|------------------------------------|---------------------------------|
| | | | Số trẻ được tiêm mũi 1 | | | Số trẻ được tiêm mũi 2 | | | | |
| | | | Trong ngày | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ | Trong ngày | Cộng dồn 28.9 | Tỷ lệ | | |
| 1 | Đà Bắc | 6.475 | 219 | 2.144 | 33,1 | 316 | 4.739 | 73,2 | 6.883 | 99,9 |
| 2 | Cao Phong | 6.549 | 326 | 1.588 | 24,2 | 304 | 4.550 | 69,5 | 6.138 | 93,7 |
| 3 | Kim Bôi | 15.290 | 526 | 2.923 | 19,1 | 1.197 | 11.902 | 77,8 | 14.825 | 97,0 |
| 4 | Lạc Sơn | 19.821 | 706 | 2.360 | 11,9 | 649 | 17.389 | 87,7 | 19.749 | 99,6 |
| 5 | Lạc Thủy | 8.372 | 0 | 1.670 | 19,9 | 0 | 6.600 | 78,8 | 8.270 | 98,8 |
| 6 | Lương Sơn | 12.290 | 210 | 3.453 | 28,1 | 960 | 9.090 | 74,0 | 12.543 | 102,1 |
| 7 | Mai Châu | 7.197 | 75 | 1.297 | 18,0 | 172 | 5.562 | 77,3 | 6.859 | 95,3 |
| 8 | Tân Lạc | 11.165 | 207 | 2.051 | 18,4 | 437 | 9.148 | 81,9 | 11.199 | 100,3 |
| 9 | Yên Thủy | 8.302 | 35 | 1.492 | 18,0 | 45 | 6.547 | 78,9 | 8.039 | 96,8 |
| 10 | TPHB | 17.523 | 840 | 2.308 | 13,2 | 1.683 | 13.039 | 74,4 | 15.347 | 87,6 |
| Tổng cộng | | 112.984 | 3.144 | 21.286 | 18,8 | 5.763 | 88.566 | 78,4 | 109.852 | 97,2 |

V. Các hoạt động triển khai trong tuần

- Quản lý các trường hợp nghi ngờ, các trường hợp F0 để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch phù hợp;
- Thực hiện tiêm vắc xin theo kế hoạch;
- Điều trị các ca bệnh COVID-19 tại cơ sở y tế và tại nhà theo hướng dẫn;
- Tổ chức các hoạt động bảo vệ người nguy cơ mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai các hoạt động khác về phòng, chống dịch.

VI. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

- Báo cáo hàng tuần tình hình phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các hoạt động hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục quản lý các trường hợp nghi ngờ, các trường hợp F0 để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch phù hợp; tiếp tục điều trị các ca bệnh COVID-19 theo hướng dẫn;

- Thực hiện đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo quy định;

- Tiếp tục tiêm vắc xin theo kế hoạch;

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động bảo vệ người nguy cơ mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo của Sở Y tế về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh HB;
- Công an tỉnh HB;
- UBND các huyện/TP;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- BVĐK tỉnh; BV YHCT tỉnh;
- TTYT các huyện, TP;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Bùi Thu Hằng